TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/DS-ST
Ngày: 14-03-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.
Bà Nguyễn Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phan Văn H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1959.
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Anh H có mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phan Văn H trình bày:

Anh có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi, do anh biết bà T có tổ chức chơi hụi hơn 05 năm, các dây hụi anh tham gia như sau:

- Dây 1: Hụi 300.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 05 tây và ngày 20 tây, hụi khui ngày 05/5/2020, tổng có 40 phần (có danh sách kèm theo), anh tham gia 02 phần, anh đã đóng hụi được 11 kỳ với số tiền 5.500.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/ tháng, khui ngày 07/5/2021 âm lịch, gồm 22 phần (có danh sách kèm theo), anh tham gia 01 phần, anh đóng được 04 kỳ với số tiền 3.200.000 đồng.

- Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng/ tháng, khui ngày 09/7/2020, tổng có 22 phần (có danh sách kèm theo), anh tham gia 01 phần, anh đóng được 16 kỳ với số tiền 24.140.000 đồng.

Đến ngày 15/10/2021 âm lịch, bà T tuyên bố vỡ hụi và có làm giấy nợ còn nợ anh 03 dây hụi với số tiền 32.840.000 đồng, anh đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng đến nay bà T không trả.

Nay anh yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả cho anh số tiền 32.840.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Phan Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền hụi còn nợ là 32.840.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền 32.840.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ vào giấy hụi mà anh Phan Văn H đã cung cấp cho Tòa án gồm giấy hụi ngày 09/7/2020 đây hụi 2.000.000 đồng anh H đã đóng cho bà T số tiền 24.140.000 đồng; giấy hụi ngày 05/5/2021 hụi 300.000 đồng anh H đã đóng cho bà T số tiền 5.500.000 đồng; giấy hụi ngày 07/5/2021 âm lịch hụi 1.000.000 đồng anh H đã đóng cho bà T 3.200.000 đồng. Bà T đã có xác nhận còn nợ anh H số tiền 32.840.000 đồng và hứa hàng tháng trả anh H 3.000.000 đồng thực

hiện vào 25/11/2021 nhưng bà T không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh H khởi kiện.

[3.2] Phía bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy bà T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà T còn nợ anh H số tiền hụi 32.840.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho anh H số tiền 32.840.000 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Anh H yêu cầu bà T trả cho anh H số tiền 32.840.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của anh H làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà T trả cho anh H số tiền 32.840.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh H được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định nhưng bà T được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn H.

Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Phan Văn H số tiền 32.840.000 đồng (Ba mươi hai triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Phan Văn H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T không trả số tiền trên thì hàng tháng bà T phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Hoàn lại cho anh Phan Văn H 821.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005872 ngày 22/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Xuân